

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 129****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm bốn mươi tám, dòng thứ tư, xem từ câu thứ ba:

“*Hựu Tịnh Ảnh Sớ vị Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Như Lai do vô ngại chi trí, hưng vô ngại chi tứ biện*” (Lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ nói Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Do trí vô ngại, Như Lai hưng khởi bốn món vô ngại biện tài). Trong bản chú giải này, ngài Huệ Viễn đã nói rất hay, Ngài nói Như Lai đắc bốn thứ trí huệ vô ngại. Từ trí huệ vô ngại, sanh khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Do điều này có thể biết: Phương tiện trọng yếu nhất trong hạnh lợi tha là vô ngại biện tài. Chúng ta cũng đều mong có thể tu thành năng lực như vậy, nhưng vô ngại biện tài là trí huệ khởi tác dụng, mỗi người đều vốn sẵn có, chẳng khác gì chư Phật Như Lai! Nay vì sao chúng ta khác biệt Phật to lớn dường ấy? Đức Phật dạy: Nguyên nhân là do chúng ta mê mất tự tánh, cũng là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”. Quý vị thấy một câu nói này của đức Phật đã nói toạc căn bệnh của chúng ta. Vì sao chúng ta đánh mất trí huệ và đức tướng? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ và đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh liền hiện tiền. Đó là lý luận, buông xuống là được rồi! Chúng sanh và Phật sai biệt ngay trong một niệm; thật sự buông xuống một niệm, trí huệ liền hiện tiền. Chúng ta phải ghi nhớ, đức Phật nói “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”; tuy [trong câu kinh Hoa Nghiêm vừa dẫn trên đây] Ngài chỉ nói “*vọng tưởng, chấp trước*”, nhưng đó là do Ngài đã tỉnh lược “*phân biệt*”. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đã học những điều này rất nhiều và cũng đều rất quen thuộc. Buông Kiến Tư phiền não xuống, liền chứng quả A La Hán. Buông Trần Sa phiền não xuống là Bồ Tát. Phá Vô Minh phiền não bèn thành Phật, kinh nói [người như vậy] là Pháp Thân đại sĩ, đã thành Phật. Trong Kim Cang Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã giới thiệu [từ ngữ] “*chư Phật Như Lai*” [được dùng trong kinh Kim Cang] chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Do có bốn mươi một tầng cấp khác biệt, nên gọi là “*chư*”. Pháp Thân đại sĩ là Như Lai, là Phật.

Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật trong một niệm, kinh nói là “*nhất niệm khoảnh*”. Chúng ta không buông xuống được; vì sao chẳng buông xuống được? Chẳng có trí huệ, nên quý vị chẳng thấy thấu suốt. Trong cuộc sống hằng ngày, dù học tập Phật pháp Đại Thừa, chúng ta luôn dùng vọng tâm, chẳng dùng chân tâm. Vọng tâm được Tướng Tông (Duy Thức học) gọi là “*tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở*”. Không riêng gì chúng ta dùng tâm này, mà hai mươi tám tầng trời, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (Phật trong mười pháp giới) cũng dùng cái tâm này. Nếu chúng ta có thể “*chuyển tám thức thành bốn trí*” như Tướng Tông đã nói, thì được! Chẳng dùng tám thức, mà dùng bốn trí. Bốn trí là gì? Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quan Sát Trí, Đại Viên Kính Trí, và Thành Sở Tác Trí; đó là bốn trí. Kinh này nói Như Lai do trí vô ngại, nên mới có thể phát khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Vì vậy, cảnh giới được nói ở đây chẳng phải là cảnh giới của phàm nhân. Chuyển tám thức thành bốn trí thì mới có bốn thứ năng lực ấy, giáo hóa trọn khắp hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới.

Chúng ta học Phật thì học Phật chẳng phải là lời kinh điển ra tụng niệm, làm như vậy chẳng có tác dụng to lớn gì, chỉ có thể nói là tốt hơn không niệm. Vì sao? Khi niệm, bèn gieo chủng tử vào trong A Lại Da, chủng tử ấy tốt đẹp. Muốn thành tựu, ắt cần phải trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì mới có thể thành tựu trong một đời này. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đủ, lại tu dần dần. Tu chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời, vẫn phải là đời đời kiếp kiếp tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên, chừng nào [những thứ ấy] chín muồi thì sẽ thành tựu. Vì lẽ đó, trí huệ là trọng yếu. Trí huệ do đâu mà có? Do Thiền Định mà có. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy: Bồ Tát nhằm tự lợi, tu Thiền Định rất sâu, Định có thể sanh ra Huệ. Làm sao để có Định? Định do trì giới mà có, lại truy ngược lên trước. Do điều này có thể biết, Phật pháp chẳng có gì khác, Tam Học Giới, Định, Huệ mà thôi! Giới là phương tiện, là phương pháp, Định là mấu chốt, Trí Huệ là mục tiêu. Chúng ta dùng phương pháp trì giới để đạt tới tâm thanh tịnh, điều này trọng yếu. Có những kẻ trì giới dường như vô cùng nghiêm ngặt, cẩn thận, nhưng chẳng đắc Định. Vì sao? Giới hạnh của chính mình khá lắm, Ngũ Giới và Thập Thiện đều tu rất tốt đẹp, nhưng thấy người khác chẳng trì giới bèn sanh phiền não, khinh mạn người khác! Chư vị nghĩ xem, người thật sự biết tu Thiền Định sẽ đắc gì? Đắc tâm thanh tịnh, đắc Định; còn một vị tu giới luật, người trì giới, đắc gì? Người ấy đắc kiêu căng, ngạo mạn, coi thường kẻ khác, đạt được những điều ấy, đắc phiền não! Quý vị thấy đó, không trì giới thì chẳng có phiền não, trì giới bèn đắc phiền não, sai mất rồi! Chẳng trì giới thì còn cung kính người khác. Hễ trì giới bèn chẳng có chút xíu tâm cung kính nào đối với người khác, [luôn nghĩ] những kẻ đó chẳng bằng ta. Có phải là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy sai hay không? Đức Phật dạy chẳng sai, mà là bản thân chúng ta dụng tâm sai quấy, chẳng biết dụng tâm!

Vì thế, thật sự trì giới, nhất định phải thực hiện từ Đệ Tử Quy, trước hết là tu lễ kính. Quý vị thấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần sau, kinh sẽ dạy chúng ta, tức là trong đoạn “*trụ Phổ Hiền hạnh*”, điều thứ nhất Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta là tu lễ kính, “*lễ kính chư Phật*”. Ai nấy đều là Phật, hết thấy vạn vật không gì chẳng là Phật thì mới có thể tu viên mãn sự lễ kính ấy. Phải học theo Thiện Tài đồng tử! Trong sự cảm nhận của Thiện Tài đồng tử, “tất cả hết thấy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, chỉ có mình ta là phàm phu”, nên Ngài tu thành công. Nay chúng ta tu chẳng thành công là vì lẽ nào? Ý niệm sai lầm! Ta tôn kính Phật; trừ Phật ra, tất cả đều là phàm phu, chẳng khác ta cho mấy, còn có rất nhiều kẻ chẳng bằng ta! Do tâm thái đó, tu hành suốt đời vẫn chẳng thành công, thua xa Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử dùng chân tâm, chẳng phân biệt, không chấp trước; nay chúng ta tu Giới, Định, Huệ, dùng vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên tu kiểu nào cũng đều tu chẳng thành công, đạo lý ở chỗ này. Vì sao? Chẳng cung kính kẻ khác, tức là thiếu lễ kính đối với chính mình! Vì sao? Tự và tha không hai. Coi người khác đều như Phật, Bồ Tát, tức là cung kính chính mình, trong đời này, bản thân chúng ta mới có thể đạt được thành tựu. Tiểu thành tựu là A La Hán, thành tựu bậc trung là Bồ Tát, thành tựu tối thượng thừa, quý vị bèn thành Phật. Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính đạt được một phần thành tựu, mười phần thành kính được mười phần thành tựu*”. Tâm chúng ta chỉ có một phần thành kính, chỉ có thể chứng tiểu quả. Tiểu quả khá lắm, rất khó có. Tiểu quả là gì? Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả, hoặc địa vị Sơ Tín trong các địa vị thuộc hàng Thập Tín Bồ Tát. Nếu kiêu căng, ngạo mạn, xem thường người khác, ngay cả địa vị này cũng chẳng đạt được!

Trong hai mươi, ba mươi năm gần đây nhất, khi sống ở Mỹ, tôi thường cùng các đồng học cùng nhau học tập một chỗ, tôi thường nói “*hãy buông xuống mười sáu chữ*”. Mười sáu chữ ấy chính là “*tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi lại còn nói rất rõ ràng: Thật sự làm được mười sáu chữ ấy, quý vị thật sự buông xuống, tôi nói quý vị đạt đến địa vị gì, đạt đến nơi nào? Quý vị đến cửa ngõ của Phật, chưa tiến vào. Tiến vào thì sao? Để tiến vào, phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chứ tiêu chuẩn của tôi chưa được. Tiêu chuẩn của tôi chỉ có thể dẫn quý vị đến cửa ngõ chánh yếu. Tiêu chuẩn của Phật là phải thật sự buông chấp trước, phân biệt, vọng tưởng xuống. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng A La Hán là địa vị cao nhất trong Tiểu Thừa, vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng đắc Thanh Văn, Duyên Giác. Lại tiến cao hơn, sẽ buông xuống phân biệt, trở thành Bồ Tát, quý vị thành Phật, tức là địa vị Phật trong mười pháp giới. Cuối cùng, có thể buông vô minh phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi [vô minh phiền não] là vọng tưởng, chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành Phật. Khi ấy, mười pháp giới chẳng còn nữa. Vượt thoát mười pháp giới, quý vị ở nơi nào? Quý vị trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đều phải dùng chân tâm, không thể dùng vọng tâm. Hãy ghi nhớ, trong chân tâm chẳng khởi tâm, không động niệm,

chẳng phân biệt, không chấp trước, phải luyện tập trong cuộc sống thường ngày. Phật, Bồ Tát trong kinh giáo, tổ sư đại đức trong học tập và chia sẻ, các tác phẩm chú giải của các Ngài đều là học tập, chia sẻ, đều chân thành bảo ban chúng ta như thế này: Tùy duyên, đừng phan duyên, “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Chúng ta phải học kỹ càng, nghiêm túc học tập hai câu ấy, có thể tùy thuận chúng sanh. Thứ gì cũng đều tốt đẹp, chớ nên so đo, chỉ cần họ chẳng có tà tri tà kiến thì tốt lắm rồi. Mỗi người có hạnh nghiệp khác nhau, nghiệp nhân, quả báo đời đời kiếp kiếp khác nhau, đức Phật biết chuyện này, nên Ngài mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, mở ra vô lượng pháp môn, đó là gì? Hằng thuận chúng sanh. Nếu chẳng hằng thuận chúng sanh, một pháp môn là được rồi, đức Phật mở ra nhiều như vậy để làm gì? Đức Phật mở ra nhiều pháp môn ngàn ấy, chẳng có gì khác, chính là vì hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, ý nghĩa ở chỗ này. Chúng ta phải hiểu dụng ý của lão nhân gia thì mới có thể học những thứ này nọ. Do đó, thật sự tu hành là tu trong cuộc sống hằng ngày, trong sinh hoạt, trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, hãy sửa đổi những ý tưởng sai lầm, sửa đổi cách nhìn sai lầm, ngôn luận sai lầm, sửa đổi hành vi sai lầm; đó là tu hành. Tu hành bậc cao là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Vì thế, quý vị hiểu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát chính là cương lĩnh tu hành của các Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta phải hiểu chỗ này!

Pháp môn Tịnh Tông có duyên với Phổ Hiền Bồ Tát quá sâu, vì sao? Tịnh Tông là pháp môn Phổ Hiền. Quý vị thấy kinh này, vẫn còn đang trong Tự Phần, phần Chứng Tín Tự là Đức Tuân Phổ Hiền. Quý vị thấy đề mục của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Do đó, Tịnh Độ chẳng thể rời khỏi Phổ Hiền Bồ Tát. Vào đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, là một vị đại thiện tri thức trong Phật môn, đã đặc biệt lấy ra quyển cuối cùng của Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, đặt tên là Tịnh Độ Tứ Kinh, có lý lắm! Nói rõ chuyện gì? Nói rõ Tịnh Độ là tu Phổ Hiền hạnh, chẳng khác gì Hoa Nghiêm. Thuở trước, vào thời Càn Long, cư sĩ Bành Nhị Lâm là người đầu tiên đã nói kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm, ông Bành Nhị Lâm nói như thế. Ngụy Mặc Thâm đã có hành động như thế này: Đem phẩm Hạnh Nguyện “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, tức là đem một đoạn kinh văn lớn ấy ghép vào sao Tịnh Độ Tam Kinh. Chúng ta tu Phổ Hiền hạnh. Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi đề ra các công khóa mà các đồng học Tịnh Tông bắt buộc phải tu gồm năm môn, không nhiều lắm. Nhiều quá, sẽ thành quá rắc rối, phiền phức, hạnh môn càng đơn giản càng hay! Trong năm khoa ấy, thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước xuất phát từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh (Thập Lục Quán Kinh). Đoạn kinh văn này là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong Tịnh Tông, quý vị chớ nên không biết! Phương hướng và mục tiêu của Tịnh Tông ở ngay trong một đoạn kinh văn ấy. Trong ba điều của Tam Phước, điều đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Chúng ta có làm được hay không? Vãng sanh Tịnh Độ

mà nếu chẳng làm được điều này, sẽ chẳng thể vãng sanh; chẳng có tâm hiếu thuận đối với cha mẹ là không được rồi!

Kẻ suốt đời làm ác, lúc lâm chung gặp thiện tri thức khuyên dạy kẻ ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy thật sự nghe lời. Thật sự nghe lời là sám hối chân thật trọng yếu nhất. Nghiệp chướng từ vô thủy và trong đời này, do sự sám hối ấy liền tiêu trừ. Tâm hiếu thuận thật sự dấy lên. Tuy kẻ ấy đã mạng chung, ngay lập tức vãng sanh, là do cái tâm hiếu thuận cha mẹ, tâm tôn sư trọng đạo thật sự dấy lên. Nếu cái tâm ấy chẳng dấy lên, kẻ đó sẽ chẳng thể vãng sanh, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Do đó, lâm chung gặp gỡ bạn lành, [nói] kẻ ấy có thiện căn hay không, chính là nói kẻ ấy có thật sự sám hối hay không. Thật sự sám hối, A Di Đà Phật tiếp nhận, sẽ tiếp dẫn kẻ ấy vãng sanh. Do sự sám hối ấy, sẽ đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, có thể thành tựu hết thảy điều thiện trong một niệm. Chẳng phải là chuyện may mắn! Trong khi ấy mà có thể thật sự sám hối, chắc chắn là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ người ấy đã tu hành khá lắm, nhưng đời này mê hoặc, chẳng gặp bạn lành, nên học theo những điều xấu! Khi lâm chung, có người cảnh tỉnh, thiện căn tức thể bèn phát hiện, sức mạnh sám hối ấy rất lớn, [kẻ ấy] thật sự quay đầu. Cổ nhân nói “*lãng tử hồi đầu, kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Kẻ ấy thật sự quay đầu, thật sự là người tốt; do điều kiện này, nên mới có thể vãng sanh. Vì lẽ đó, kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy), đó là thiện căn. Suốt đời làm ác, thiện căn có thể hiện tiền, liền gặp được thiện hữu. Duyên này rất quan trọng, gặp được thiện hữu chỉ dạy, người ấy hoát nhiên minh bạch. Trong Phật pháp, chắc chắn chẳng có chuyện may mắn; toàn bộ đều là công đức chân thật, vì chúng ta thấy loại người như vậy vãng sanh rất nhiều. Khi xưa, chúng tôi không hiểu rõ giáo lý cho lắm, nên có nghi hoặc. Do được huân tu nhiều năm ngàn ấy, cuối cùng chúng tôi vỡ lẽ: Khi ấy là do thiện căn chẳng thể nghĩ bàn trong đời trước phát hiện.

Đối với phước thứ nhất trong ba phước, nay chúng tôi đề xướng học tập Đệ Tử Quy. Vì sao học Đệ Tử Quy? Đệ Tử Quy là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” được nói cặn kẽ. Chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu và phụng sự sư trưởng như thế nào? Làm được một ngàn lẻ tám mươi chữ của Đệ Tử Quy, quý vị liền làm được “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Do điều này có thể biết, Đệ Tử Quy là thực hiện “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, quý vị có thể chẳng làm ư? Nếu quý vị chẳng thể làm được, tức là chỉ niệm suông hai câu ấy! “*Từ tâm chẳng giết*”, chúng ta thực hiện câu này bằng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên giảng về thiện ác nhân quả tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều. Chớ nên không hiểu giáo dục nhân quả! Chớ nói [chỉ có] ngôn ngữ, tạo tác thì mới có quả báo, [phải biết, ngay cả] khởi tâm động niệm cũng có quả báo, nói rất vi tế. Câu cuối cùng là “*tu Thập Thiện Nghiệp*”; đó là cội rễ trong Phật môn. Do đó, tôi

nói: Câu này đã giảng về ba cội rễ. Cội rễ của Nho là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo là Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật là Thập Thiện Nghiệp. Vừa mở đầu, phải đặt vững ba cội rễ này thì quý vị sẽ có phước thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

Con người hiện tại thiếu phước, tuy thiếu phước nhưng thoát nhìn lại dường như là hưởng thụ khá lắm? Đúng vậy, họ hưởng phước, phước của họ do đâu mà có? Đã tu trong đời quá khứ, đời này được làm thân người, hưởng phước báo. Họ hưởng phước báo, do chẳng có ai dạy, nên họ chẳng biết tu phước. Chẳng giống như trong quá khứ! Trong xã hội cũ thời quá khứ, quả thật là bất luận quý vị có phước hay vô phước, người già đều biết tu phước; cũng có thể nói là những người bình phàm trong xã hội đều biết phải học tập ba căn bản ấy. Trung Quốc cổ đại gọi ba căn bản ấy là vun bồi cội rễ giáo dục, học vào lúc nào? Trẻ thơ từ lúc vừa sanh ra cho đến ba tuổi là một ngàn ngày. Cách học như thế nào? Cha mẹ nêu gương cho con thấy. Quý vị thấy trẻ thơ chưa biết nói, nhưng nó biết nhìn, biết nghe, đã biết bắt chước. Do đó, một ngàn ngày ấy là thâm căn, cố đế; ở trong nhà, cha mẹ phải thực hiện cho con thấy ba căn bản ấy. Gia đình thời cổ là đại gia đình, người hiện thời không có cách nào tương tự loại gia đình kiểu ấy. Trong thời quá khứ là năm đời cùng sống trong một nhà; nhìn lên, quý vị có cha, có ông, có cụ cố, cụ sơ, năm đời. Nhìn xuống, bên có con, cháu, chắt, chít, nên nói là “chín đời”. Thời cổ, quý vị nói đến gia đình là nói đến chín đời, chín đời cùng sống trong một nhà, gia đình to như thế đó! Thông thường, một nhà có bao nhiêu người? Nói chung, thường có khoảng ba trăm người. Chín đời sống cùng một nhà, nếu trong nhà chẳng có quy củ thì chẳng phải là rối loạn tí mù ư? Đáng sợ lắm! Do đó, hễ tề gia bên có thể trị quốc, trị gia và trị quốc chẳng khác gì nhau! Có khả năng và trí huệ để trị gia, sẽ có thể trị quốc. Đó là xã hội trước kia, quý vị thấy: Rất coi trọng giáo dục, coi trọng vun bồi cội rễ.

Vun bồi cội rễ là trì giới. Phật môn nói đến chuyện trì giới, có cơ sở như vậy thì mới có thể nhập Phật môn. Do đó, phước thứ nhất trong ba phước là phước thế gian, chẳng phải là xuất thế gian. [Thực hiện trọn vẹn phước thứ nhất] thì đối với “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh Phật đã nói, quý vị mới đạt tư cách ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể nhập Phật môn, tôn Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, theo Phật học kinh giáo, nâng cao đức hạnh và định huệ của chính mình. Vì lẽ đó, đối với điều thứ hai trong ba phước, quý vị thấy “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, đó là pháp xuất thế. Thọ trì Tam Quy, thật sự bái sư, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, tiếp nhận giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy những gì? Dạy Tam Quy, Phật dạy quý vị điều này, Tam Quy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong việc học Phật. Quý vị làm thế nào mới có thể thành Phật? Phương pháp thành Phật vô lượng, vô biên, nên [đức Phật nói] vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn xét đến cuối cùng, đến khi thật sự thành Phật, quy nạp lại thì chỉ có ba môn, bất luận theo

một môn nào trong ba môn này, quý vị chỉ cần đạt được một môn sẽ thành Phật. Vô lượng pháp môn ví như vô lượng đường lối, bất luận quý vị từ đâu đến, hãy đến đại điện của Phật, đại điện ấy chỉ có ba cửa, theo bất cứ cửa nào để bước vào! Hễ vào được một môn, môn nào quý vị cũng đạt đến, các pháp môn bình đẳng! Các pháp môn chính là ba môn Giác, Chánh, Tịnh được dạy bởi Tam Quy. Quy y Phật, Phật đại diện cho Giác môn, có thể thành Phật, giác chứ không mê. Môn thứ hai là Pháp, Pháp là Chánh môn, chánh tri, chánh kiến. Môn thứ ba là Tịnh môn, tâm địa thanh tịnh, tịnh mà bất nhiễm. Ba môn ấy là “*thành Phật chi môn*”.

Theo môn nào để vào? Căn tánh của mỗi người khác nhau. Nói thông thường, Giác môn khó nhất. Người thượng thượng căn và Thiên Tông đi theo môn này, Tánh Tông đi theo môn này, thượng trung hạ tam căn đều chẳng có phần! Vậy thì làm sao? Ba căn thượng, trung, hạ thường theo Chánh môn, tức là quy y Pháp, Pháp là chánh chứ không tà. Môn này giống như cách tổ chức trong nhà trường, có Tiểu Học, có Trung Học, có Đại Học, có nghiên cứu sinh. Quý vị có thể tiến dần dần, học tập dần dần. Giác môn chẳng có [chuyện này]; Giác môn là một bước lên trời, chẳng có tầng cấp, có thể tiến lên bèn thành Phật. Chẳng thể đi lên thì bất cứ điều gì cũng đều chẳng thể thành. Giống như lên cầu thang, thử chúng tôi còn trẻ, học Phật, thầy bảo chúng tôi, Giác môn là gì? Giác môn giống như đi thang máy, sau khi bước vào, thang máy chạy đến tận tầng cao nhất mới mở cửa cho quý vị bước ra. Nếu quý vị chẳng có năng lực ấy, chẳng có năng lực ấy tức là ba căn thượng, trung, hạ, sẽ như thế nào? Trèo cầu thang! Pháp môn theo Chánh môn là trèo cầu thang; quý vị có thể trèo lên từng tầng một, cũng có thể tiến đến đỉnh. Pháp môn thứ ba tương đối đặc thù, tức là Tịnh môn chuyên tu tâm thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh cũng có thể lên tới đỉnh. Hai tông phái thuộc Tịnh môn: Tịnh Độ Tông đi theo hạnh môn này, Mật Tông cũng theo hạnh môn này, Mật Tông là tu tâm thanh tịnh. Đều là tu tâm thanh tịnh, nhưng phương pháp tu hành khác nhau. Tịnh Tông như thế nào? Xa lìa nhiễm ô, nên tu Tịnh Độ tương đối dễ dàng. Mật chẳng lìa nhiễm ô, nên Mật đạt được thanh tịnh chắc chắn là phải cao hơn Tịnh, vì sao? Tu thanh tịnh trong nhiễm ô, đó là chân thanh tịnh. Chuyện này kẻ bình phàm cũng chẳng thể làm được, nên hiện thời, người tu Mật pháp thành tựu ít ỏi. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho tôi biết cụ học Mật, thầy Lý cũng học Mật, họ đều bảo tôi “quá ư là khó!”

Tôi học Phật, thân cận [vị thiện tri thức] đầu tiên là Chương Gia đại sư, Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông. Vị này là người tốt, là thiện tri thức thật sự, vì sao? Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học Hiền Giáo, học Giáo. Vì sao không cho tôi học Mật? Ngài nói rất rõ ràng. Ngài nói đối với Mật, lấy trường học để tỷ dụ thì Mật thuộc giai đoạn nào? Là lớp tiến sĩ, là lớp tiến sĩ thuộc viện nghiên cứu. Giáo là gì? Giáo là Đại Học, Trung Học, và Tiểu Học. Quý vị phải học bắt đầu từ Tiểu Học, tiến lên dần dần. Học xong Tiểu

Học bèn học Trung Học. Học xong Trung Học bèn học Đại Học, học Đại Học xong bèn học nghiên cứu sinh, học xong nghiên cứu sinh rồi cuối cùng mới học lớp Tiến Sĩ. Do đó, lão nhân gia bảo tôi: “Người thật sự học Mật là ai? Từ Sơ Địa trở lên. Chưa chứng đắc Sơ Địa, quý vị chẳng đủ tư cách để học Mật!” Giống như các lớp nghiên cứu sinh và tiến sĩ, phải thỏa điều kiện gì thì mới có thể theo học lớp Tiến Sĩ. Tôi mới hiểu rõ, Tịnh [trong Mật Tông] là thanh tịnh thật sự, chẳng giống như trong Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là xa lìa nhiễm ô, xa lìa tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, để đạt được thanh tịnh. Mật chẳng giống như vậy, chẳng cần xa lìa!

Hiểu những đạo lý này, chúng ta là căn tánh gì, phải nên đi theo con đường nào, bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Thầy là bậc cao nhân, nếu chúng ta chẳng nghe lời thầy, chẳng tôn trọng thầy, chẳng y giáo phụng hành, vậy thì quý vị phải tự gánh lấy trách nhiệm, tự gánh lấy nhân quả trong sự tu học. Chúng ta y giáo phụng hành, hoàn toàn vâng theo thầy, trong tương lai ta học chẳng thành tựu, trách nhiệm ấy thầy phải gánh chịu. Thầy bảo ta làm như thế nào, ta liền làm như thế ấy, ta noi theo đường lối của thầy, chẳng sai! Vì thế, nếu chính mình có ý kiến, chẳng nghe lời thầy, thì cổ ngôn ngữ có câu: “*Chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”, thật sự thua thiệt, thua thiệt to lớn! Khi nào mới biết? Khi bị thua thiệt, bị lừa gạt rồi mới biết, hồi chẳng kịp! Tôi nghe lời thầy, thừa cùng chư vị, tôi luôn hết sức tiếc nuối, tôi nghe lời thầy mấy phần? Khoảng chừng bảy phần, còn ba phần là gì? Hoài nghi, nên đời này tôi thành tựu rất hữu hạn. Nếu tôi nghe lời thầy một trăm phần trăm, sẽ chẳng phải là tình trạng như hiện thời, tối thiểu là có thể sánh bằng tổ sư, đại đức, có thể đạt đến [cảnh giới] giống như Ấn Quang đại sư, Liên Trì đại sư, có thể đạt đến cảnh giới của các Ngài. Tôi học Phật sáu mươi năm, rất đáng tiếc, tôi chẳng hoàn toàn nghe lời, chỉ nghe bảy phần. Tôi dạy người khác, [họ] có thể hoàn toàn nghe theo, bèn vượt trời tôi, tôi hoan hỷ, chẳng ganh tỵ, đúng là phải nên như thế! Cổ nhân nói: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng trời vượt màu chàm). Đó là sự thành tựu trong giáo học. Hy vọng duy nhất trong giáo học là hy vọng học trò vượt trời chính mình, thế giới này mới được cứu. Từ nay trở đi, mỗi thế hệ sau mạnh mẽ hơn thế hệ trước. Nếu thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước, đáng thương quá! Chúng sanh phải chịu tội, phải gặp nạn! Mỗi thế hệ sau phải vượt trời thế hệ trước, đó là chánh xác. Trong quá khứ, chúng ta học tập đã phạm phải những lỗi lầm nào, mong thế hệ kế tiếp chẳng phạm cùng một lầm lỗi, họ phải vượt trời chúng ta.

Nguyên tắc chỉ đạo rành rẽ, minh bạch là trước hết, phải vun bồi giới luật vững vàng, đó là đức hạnh. Không Tử giáo học, điều thứ nhất là dạy đức hạnh, thứ hai là ngôn

ngũ, thứ ba mới là chánh sự¹ và văn học. Chẳng có đức hạnh thì làm sao được? Mà cốt lõi, cội nguồn của đức hạnh là *“hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”*. Xã hội hiện tại khuyết thiếu điều này, bất hiếu với cha mẹ, chẳng có ý niệm tôn sư trọng đạo, làm sao có thể học thành công cho được? Học trò chẳng biết tôn sư trọng đạo, chẳng biết hiếu thuận với cha mẹ, Phật, Bồ Tát đến dạy kẻ ấy cũng vô dụng, chẳng dạy được! Kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận. Căn bản ấy nhất định phải được vun bồi từ bé. Từ nhỏ, chúng ta đã sơ sót, chẳng vun bồi căn bản này; nay đã hiểu rõ, sau khi đã hiểu rõ bèn phát phần, nỗ lực, học tập bổ sung khóa trình trọng yếu này thì được! Chẳng phải là không được, hãy bổ sung thật nhiều, bổ sung bằng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Nhất định phải biết: Chẳng có những căn bản ấy, dầu quý vị tiếp tục nỗ lực cho đến ba trăm năm, coi như quý vị sống trường thọ, có thể sống tới năm trăm năm, thì năm trăm năm cũng chẳng thể thành tựu! Vì sao? Thiếu căn bản! Thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta thấy những người có thành tựu, có thành tựu khác thường, những người ấy là ai? Là người thật sự hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, chẳng có chút phân biệt nào, chẳng có chút hoài nghi nào! Một trăm phần trăm dễ bảo, người ấy thành tựu rất nhanh chóng. Người ấy trì giới tốt đẹp, do giới mà đắc Định, đắc tam-muội, nói thông thường là bao nhiêu năm? Ba năm! Sẽ chẳng nhiều hơn năm năm, người ấy đã đắc Định. Sau khi đắc Định hai, ba năm, trí huệ liền mở mang. Khi trí huệ đã mở mang, người ấy học tập tất cả hết thầy các pháp môn dễ dàng, đó là *“một môn thông, hết thầy các môn đều thông”*.

Nhưng trong quá trình học tập, chỉ có thể học một môn, không thể học hai môn. Thầy cũng dạy chúng tôi như vậy, nhưng như thế nào? Chúng tôi chẳng tuân phục ý thầy, nên thầy mới bắt buộc nói một câu như thế này: *“Học kỹ càng một môn rồi mới học môn thứ hai”*. Thầy bắt buộc nói như thế, chúng tôi ngỡ là thật. Học kỹ càng một môn xong bèn học môn thứ hai. Tôi tin tưởng thầy bảy phần, tôi học gì cũng đều là học một môn, môn ấy chẳng phải là học một lần, mà là học mười lần rồi tôi mới học môn thứ hai. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta *“suốt đời học một môn”*, chúng ta chẳng cam tâm, chẳng muốn vậy, luôn mong học nhiều một chút, sai bét rồi! Phải biết là cả đời học một môn thì từ môn ấy có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Suốt một đời quý vị chẳng thay đổi, chắc chắn sẽ minh tâm kiến tánh, trong Giáo Hạ gọi đó là *“đại khai viên giải”*. Đại khai viên giải là kinh điển chưa từng học, nhưng quý vị vừa giở ra, chẳng có câu nào không hiểu rõ, thông suốt toàn bộ, đã khai huệ mà! Chúng tôi dùng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền để khuyên người khác, có người thật sự làm, thật sự thâm nhập một môn, suốt đời chẳng thay đổi, người ấy có thành tựu cao hơn tôi. Người ấy rất khiêm hư, đó là đạo lý

1 Hiểu theo nghĩa thông thường, “chánh sự” là những việc liên quan đến việc cai trị, nhưng chánh sự ở đây được dùng theo nghĩa là những kỹ năng và kiến thức cần thiết mà Nho sĩ phải học để có thể làm quan hoặc ứng phó trong cuộc sống.

nhất định. Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Khi học vấn sâu xa, ý khí bình lặng*”. Đức hạnh và học vấn càng cao, càng khiêm hư, càng cung kính, chẳng có chút tập khí ngạo mạn nào, học vấn chân thật mà! Chúng ta trông thấy bèn hoan hỷ, có người duy trì chánh pháp, chánh pháp sẽ tồn tại dài lâu trong cõi đời. Chỉ cần sau này có người, đó là một đại sự khiến cho chúng ta vô cùng an ủi, vô cùng hoan hỷ. Ai có thể thành công? Ai nấy đều có thể thành công, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Quả nhiên thật thà nghe lời, thật sự làm, chẳng có ai không thành tựu. Ai nấy đều có thể thành tựu, ai nấy đều là người kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật, phổ độ chúng sanh, đều là [những người như vậy], chúng ta có chịu làm hay không? Vì thế, đầu tiên là quyết định chớ nên coi thường giới luật, nó là căn bản của mọi căn bản.

Đối với vấn đề này, lúc tôi còn trẻ, vì tôi do học Triết Học mà tiến nhập Phật học, nên chẳng tin tưởng giới luật. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia đúng là phương tiện thiện xảo, nay tôi mới biết lão nhân gia từ bi, chỉ dạy tôi, dụng tâm nhọc nhằn. Ngài biết chúng tôi là kẻ trẻ tuổi trong thời hiện đại, chẳng tin tưởng giới luật, lầm tưởng giới luật là khuôn phép sinh hoạt của người Ấn Độ trong ba ngàn năm trước, chúng ta có nên học theo hay không? Chúng ta học Phật có phải là trở lại ba ngàn năm trước hay không? Thời đại vĩnh viễn tiến lên phía trước, sao chúng ta lại thụt lùi? Có sao thụt lùi về ba ngàn năm trước? Chúng ta là người Hoa, vì sao phải học theo người Ấn Độ? Tuy chúng tôi không nói ra quan niệm sai lầm ấy, nhưng thầy có trí huệ, thấy rất rõ ràng. Thầy chẳng quả trách tôi, mà cũng chẳng phê bình. Vì sao? Nếu thầy quả trách, phê bình, tôi sẽ không theo thầy học nữa, sẽ rời xa thầy! Thầy vô cùng thương yêu và quan tâm tôi. Tôi chỉ có một hai lần chẳng đến gặp thầy, thầy liền gọi điện thoại, hoặc sai người hầu gọi điện thoại cho tôi, hỏi tôi sức khỏe ra sao, vì sao không đến? Đúng là yêu thương giống như cha mẹ đối với con cái, tôi bị thầy làm cho cảm động. Đối với chuyện giới luật, thầy rất xảo diệu. Mỗi tuần chúng tôi gặp mặt một buổi, thưa trình cùng thầy những điều đã học trong một tuần, lại còn đem các vấn đề thỉnh giáo thầy. Mỗi lần học xong, khi tôi rời đi, thầy đều tiễn đến tận cửa, nhẹ nhàng bảo một câu: “*Giới luật rất trọng yếu*”. Nói một câu như vậy, tôi nghe ước chừng mấy chục lượt, mỗi lần thầy đều nhắc tôi câu ấy!

Tôi theo thầy ba năm, lão nhân gia viên tịch. Ở chỗ hỏa táng, có đặc biệt tạo dựng một cái tháp nhỏ, dành riêng cho thầy. Lúc đó, có Cam Châu Hoạt Phật và mấy người nữa dựng lều bên cạnh, canh giữ tòa tiểu tháp hỏa táng. Họ ở đó ước chừng từ một tuần cho đến mười ngày, tôi ở trong lều ấy ba ngày. Trong ba ngày, tôi hết sức nghiêm túc phản tỉnh: Tôi theo lão nhân gia ba năm, thầy dạy tôi những gì? Tôi học được những gì? Tôi nghiêm túc phản tỉnh. Vừa phản tỉnh, [bèn nhận thấy], điều đầu tiên là giới luật rất trọng yếu. Vì sao thầy bảo tôi câu ấy nhiều lượt như vậy, nhưng chẳng nói tỉ mỉ, mà cứ dùng một câu như vậy? Tôi liền nghiêm túc suy nghĩ vấn đề ấy. Suy nghĩ suốt hai tuần bèn vỡ lẽ, tôi

đã sai mất rồi! Vì chúng ta học Phật, đã học Phật thì phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chẳng thể dùng tiêu chuẩn của con người. Trước kia, trong quá khứ, chúng tôi có học Lễ, tức là Lễ nói theo văn hóa truyền thống của Nho gia Trung Quốc. Lễ của Tam Đại (Hạ, Thương, Châu) khác nhau. Ba triều đại Hạ, Thương, Châu có lúc hưng thịnh, có lúc suy vi; vì thế, Lễ có chỗ phải tu chỉnh, có chỗ phải thay đổi, giống như hiến pháp và pháp luật của quốc gia, cứ trải qua một khoảng thời gian lại cần phải tu chỉnh. Nay chúng ta học Phật, học Phật mong thành Phật, nhưng hiến chương và pháp luật thành Phật chẳng thể sửa đổi. Hễ sửa đổi, sẽ chẳng thể thành Phật. Tôi đã nghĩ thông đạo lý như vậy, mới biết Tam Quy, Ngũ Giới và những thứ trong Luật Tạng là đạo thành Phật, chẳng phải là pháp luật thế gian, nên chẳng thể sửa đổi. Tôi nghĩ thông suốt đạo lý ấy, quan niệm sai lầm về giới luật mới được sửa đổi đúng đắn.

Chương Gia đại sư dùng [thời gian] ba năm, lại còn thị hiện viên tịch, khiến cho tôi nghiêm túc phản tỉnh, hiểu rõ. Nếu thầy chẳng viên tịch, tôi sẽ chẳng thể phản tỉnh đạo lý ấy, vĩnh viễn giữ mãi quan niệm sai lầm về giới luật. Người hiện thời phạm lỗi lầm như tôi quá ư là nhiều, chẳng kiếm được người nào không phạm! Lại còn có kẻ có quan niệm sai lầm nghiêm trọng hơn tôi; tôi có thể phản tỉnh, họ chẳng thể phản tỉnh. Tôi phản tỉnh là do Chương Gia đại sư thị hiện. Thầy không thị hiện như vậy, tôi sẽ chẳng phản tỉnh, mới biết do Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Đầu tiên, quý vị chẳng coi trọng Giới, làm sao đắc Định cho được? Làm sao có thể khai trí huệ cho được? Quý vị học suốt đời, dẫu học tốt đẹp cách mấy, chỉ có thể làm một nhà Phật học, hiện thời có thể giành được mảnh bằng tiến sĩ Phật học, học được gì? Kiến thức về Phật pháp, chẳng phải là trí huệ. Vì Huệ do Giới và Định mà có. Quý vị chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Những gì quý vị học là thường thức, tri thức. Tri thức có thể giải quyết vấn đề hay không? Không thể giải quyết vấn đề. Quý vị có tri thức ấy, xác thực là có thể giành được học vị Tiến Sĩ, có thể làm một vị giáo sư, phương Tây gọi quý vị là một nhà Hán học, hoặc nhà Phật học, quý vị có thể đạt được những điều ấy, nhưng chẳng có mảy may liên quan gì đến việc sanh tử, khai trí huệ và chứng quả của chính mình. Quý vị thấy những thứ ấy rất trọng yếu. Nói chung, chúng ta phải nhận thức rõ rệt giữa pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, nếu chúng ta học Phật, quý vị chẳng thể không coi trọng giới luật. Nếu quý vị coi trọng giới luật, chẳng thể không thực hiện từ ba căn bản là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳng thực hiện từ ba căn bản ấy, chẳng thể đạt thành tựu, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tôi cả đời này chẳng có phước báo, do trong đời quá khứ chẳng tu phước, nên suốt cuộc đời lênh đênh, chẳng ở chỗ nào cố định, chẳng có một hoàn cảnh an định để học tập, từ đầu đến cuối chẳng có duyên phận ấy. Thường muốn ở cố định, nhưng quý vị thấy tôi đến nay đã tám mươi bốn tuổi, vẫn chưa ổn định được. Chuyện này khiến cho tôi thường

cảm thấy tiếc nuối. Bôn ba khắp nơi, nói cho dễ nghe là “*rộng kết pháp duyên*”, nhưng đối với sự vun bồi cơ sở Định Huệ của chính mình, xác thực là có chướng ngại rất lớn. Vì lẽ, người hiện thời phải tu phước, loại phước báo nào lớn nhất? Giúp đỡ, tạo cho người học một hoàn cảnh an định, khiến cho người ấy thật sự học tập mười năm hoặc hai mươi năm trong hoàn cảnh ấy, người ấy sẽ thành tựu. Giúp một người thành Phật, phước báo to lắm! Còn to hơn cả trời nữa. Tôi tin tưởng người có khả năng ấy rất nhiều, cũng có người có cái tâm ấy! Nhưng họ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Thầy hãy thay tôi tìm một người”. Tôi bảo họ: “Tôi tìm chẳng ra, chưa từng thấy”. Người nào có thể hạ quyết tâm, trụ tại một nơi trong mười năm hoặc hai mươi năm chẳng ra khỏi cửa, hồng thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ của chính mình? Hiện thời, chẳng tìm thấy một người như vậy! Quý vị thấy đó, khó lắm! Người thật sự mong tu phước, tìm một người có phước như vậy chẳng ra! Muốn tìm một người thật sự tu hành, tìm hoàn cảnh tu hành ấy cũng chẳng ra, duyên khác nhau! Đó là gặp duyên khác nhau! Chúng tôi nói những lời này, đều nhằm nói: Biện tài do trí huệ mà có, trí huệ do Giới và Định mà có. Chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, bèn chẳng có biện tài. Chẳng có biện tài, sẽ chẳng thể giáo hóa chúng sanh. Chớ nên không biết điều này!

Nay chúng ta thấy trong kinh nói bốn thứ Vô Ngại Biện Tài. Loại thứ nhất là “*nghĩa vô ngại biện*”. “*Nghĩa*” là nghĩa lý, tức là đạo lý, nguyên lý, và nguyên tắc được nói trong ấy đều thuộc về loại Nghĩa Vô Ngại Biện. “*Vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ cố*” (ý nói biết nghĩa lý của hết thảy các pháp, thông đạt chẳng trệ ngại). “*Liễu*” (了) là hiểu rõ, “*tri*” (知) là biết, quý vị thấy nghĩa lý của hết thảy các pháp. Vấn đề này đang được các triết gia trong thế gian nghiên cứu, các nhà khoa học cũng đang nghiên cứu vấn đề này, còn có các nhà tôn giáo [cũng thế]. Trọng yếu nhất, thâm áo nhất trong các nghĩa lý là gì? Vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự, vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Quý vị do đâu mà có? Người khác do đâu mà có? Vì sao có những chuyện ấy phát sanh? Sau khi phát sanh, những chuyện ấy diễn biến như thế nào, cuối cùng lại có kết quả như thế nào? Những điều ấy đều là các câu hỏi lớn, đều là nghĩa lý. Ai biết? Nay chúng ta có thể nói, đức Phật biết chuyện này! Người Hoa bình phàm thường nói “trời biết”. Câu nói “trời biết” hàm ý “chẳng ai biết”, có ý nghĩa ấy. Sau khi chúng ta học Phật, [liền hiểu] trời cũng không biết! Trời là phàm phu! Dục Giới Thiên không biết, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên cũng không biết. Không chỉ bọn họ không biết, ngoài hai mươi tám tầng trời ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Tiểu Thừa cũng không biết. Lại lên cao hơn, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, các Ngài có biết hay không? Không biết! Nếu các Ngài biết, sẽ chẳng mê! Nhưng trong Phật pháp, học điều gì? Chính là học ý nghĩa này, hiểu rõ ràng, rành mạch hết thảy vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, kể cả bản thân chúng ta, tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả. Đó là Phật.

Phật cũng có tầng cấp. Các Ngài tuy đều biết, nhưng trong ấy cũng có cạn, sâu sai khác, chẳng giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi hai tầng cấp. Những người thuộc bốn mươi hai tầng cấp ấy, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác có biết những điều ấy hay không? Đều biết cả! Tuy đều biết, nhưng có sâu hay cạn sai khác bất đồng. Thí dụ như Thập Trụ tuy biết, nhưng Thập Trụ phải kém hơn Thập Hạnh một bậc. Tuy đều biết, Thập Hạnh sẽ giảng giải rõ ràng hơn Thập Trụ. Thập Hồi Hướng lại hiểu rõ hơn Thập Hạnh, coi như đạt đến Thập Địa mới có thể nói là hiểu rõ rất ráo. Vì sao? Các Ngài đích thân thấy, sáu căn trông thấy, thấy nguyên khởi của vũ trụ, hết thấy chúng sanh kể cả chính mình phát sanh như thế nào, các Ngài cũng trông thấy, nhưng chẳng thấy rõ ràng cho lắm! Nếu chẳng thể hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ những nghĩa lý ấy, làm sao các Ngài có thể nói được? Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Ngài nói chuyện này trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói gì? Những vấn đề đang được khoa học và triết học thảo luận trong hiện thời như vũ trụ vĩ mô, to vô hạn, thế giới vĩ mô, Lượng Tử Lực Học, “nhỏ nhưng chẳng ở trong”, vĩ mô là “lớn mà chẳng ra ngoài”. Quý vị thấy hai câu thành ngữ ấy, từ hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Khổng Tử, đã có câu nói: “*Lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ mà chẳng vào trong*”. [Câu nói ấy] chẳng do người hiện thời nói, mà do cổ nhân nói. Hai câu ấy nói đến chuyện gì? Nói thật ra, đó chính là kinh Hoa Nghiêm.

Lúc đó, Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, vì sao người Trung Quốc có thể nói được? Có thể nói cổ thánh tiên hiền chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai ư? Tôi không tin. Kinh đã dạy rất rõ ràng, nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Người Hoa tin tưởng thánh hiền, nên Phật, Bồ Tát đến Trung Quốc bèn thị hiện thân thánh hiền. Nên dùng thân thánh nhân để hóa độ, các Ngài bèn hiện làm thánh nhân. Nên dùng thân hiền nhân để hóa độ, các Ngài bèn hiện làm hiền nhân. Thuở trước, khi học kinh giáo với thầy Lý, tôi đã có cách nhìn này, tôi thỉnh giáo thầy Lý. Tôi nói: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, những vị như Khổng Tử, Mạnh Tử, những người như Lão, Trang, có phải là chư Phật Như Lai ứng hóa ở phương Đông, hiện ra các thân ấy hay không?” Thầy cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì suông, nhưng xét theo Sự, chưa có chứng cứ*”. Về mặt Sự, các vị ấy chẳng nói họ là Bồ Tát nào tái lai. Họ chưa từng nói đến, chưa từng nêu ra, nên chẳng có chứng cứ; nhưng xét theo Lý, chắc chắn là thông suốt. Sau này, tôi qua lại cùng rất nhiều tôn giáo, tôi cũng thường đọc các kinh điển của những tôn giáo ấy, tôi cũng có một cách nghĩ như thế này: Những vị thần thánh, tiên tri, sứ giả trong tất cả các tôn giáo cũng đều là hóa thân của Phật, Bồ Tát, chẳng thể nào giả được! Nói đến mức tuyệt diệu nhất vẫn là tám chữ “*lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ nhưng chẳng vào trong*”. Hai câu này tuyệt diệu, bao gồm trọn hết tất cả khoa học và triết học hiện tại. Đức Phật nói hay quá! Theo báo cáo mới nhất của khoa học hiện tại, họ nói nhân loại hiện thời có thể quan sát, tức là dùng những dụng cụ tinh vi để quan sát vũ

trụ, toàn thể không gian, chỉ có thể thấy được mười phần trăm, còn chín mươi phần trăm chẳng thấy! Họ thấy hiện tượng vũ trụ là hiện tượng bành trướng², chín mươi phần trăm chẳng thấy! Đối với lời ấy, chúng ta là người đã đọc kinh Hoa Nghiêm, thật sự khế nhập Hoa Nghiêm đôi chút, nghe câu ấy bèn hiểu rõ: Họ thật sự chẳng thấy! Đến đâu để thấy, họ chẳng biết, nhưng chúng ta biết, đến nơi đâu để thấy chín mươi phần trăm? Trở về tự tánh. Trở về tự tánh, quý vị chẳng tìm thấy. Trở về Thường Tịch Quang, quý vị đến nơi đâu để tìm? Đúng là như thế đó! Vì thế, các nhà khoa học có thể nói ra câu này chẳng đơn giản!

Trong Phật pháp, chúng ta tu hành, tiến cao hơn từng cấp một. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo chẳng còn, quý vị tiến cao hơn. Trong lục đạo chẳng thấy quý vị. Tiến cao hơn, ở nơi đâu? Trong bốn thánh pháp giới. Vô minh đã phá, bốn thánh pháp giới chẳng còn nữa, tìm chẳng thấy mười pháp giới, đến nơi đâu? Đến Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo của chư Phật. Đoạn sạch tập khí căn bản vô minh, cõi Thật Báo chẳng còn. Cõi Thật Báo cũng chẳng thật. Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai là ngoại lệ. Chẳng hề nói, vì thế, cõi Thật Báo vẫn là hư vọng. Đoạn sạch vô thi vô minh, bao lâu sẽ đoạn sạch? Trong kinh giáo, đức Phật bảo là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chư vị phải biết: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về thời gian chúng ta tu hành. Thời gian chúng ta tu hành thành Phật là vô lượng kiếp. Tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị phá vô minh, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn. Tập khí vô minh rất khó đoạn. Chẳng cần quan tâm đến tập khí vô minh, dần dần tự nó sẽ chẳng còn, thời gian dài bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đến khi đó, tập khí hoàn toàn chẳng có, cõi Thật Báo cũng chẳng có, đó chính là “*phần vũ trụ chẳng thấy được*” như các nhà khoa học đã nói, trở về Tịch Quang, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong tự tánh, tuy thứ gì cũng đều chẳng có, hiện tượng tinh thần chẳng có, hiện tượng vật chất chẳng có, nhưng nó có thể hiện. Vì sao nó có thể hiện? Chúng sanh có cảm, nó bèn hiện, nó có thể cảm ứng đạo giao cùng tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới. Khoa học chẳng có cách nào lý giải sự cảm ứng đạo giao ấy, vì sao? Nó tương ứng với Thường Tịch Quang, tương ứng với tự tánh, chẳng tương ứng với mười pháp giới; nó cũng chẳng tương ứng với cõi Thật Báo. Vì lẽ đó, phát hiện của các nhà khoa học rất có lý, dùng Phật pháp để giải thích sẽ giải thích thông suốt. Điều họ còn đang nghi vấn, chúng ta đã hiểu rất rõ rệt.

Ở chỗ nào có thể nhìn ra chân tướng sự thật này? Tự tánh vốn định. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động*”, câu này nói “*tự tánh vốn*

² Đây là một hiện tượng thường được gọi là Cosmic Inflation, hoặc Cosmological Inflation. Theo đó, các nhà khoa học nói vũ trụ tiếp tục phình to sau vụ nổ nguyên thủy (Big Bang) hình thành vũ trụ. Cho đến giai đoạn này, vũ trụ giãn nở gấp 10 lũy thừa 78 lần khối lượng ban đầu. Khái niệm này do nhà khoa học Alan Harvey Guth đề xướng vào năm 1980.

định”. Tự tánh vốn định ắt phải là sáu căn ở trong cảnh giới sáu trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, tự tánh vốn định bèn lộ ra, quý vị mới có thể thấy chân tướng sự thật. Quý vị thấy thế giới vi mô càng thấu triệt hơn Lượng Tử Lực Học hiện thời. Phát hiện của Lượng Tử Lực Học còn kém những điều được nói trong kinh Phật rất lớn. Trong thế giới vĩ mô, họ nói chín mươi phần trăm chẳng thấy, thì như chúng tôi vừa mới báo cáo cùng chư vị, trở về tự tánh. Hết thấy các pháp lưu lộ từ tự tánh, cuối cùng vẫn trở về tự tánh. Các hiện tượng ấy là tự nhiên, trong kinh Phật có một thuật ngữ là “*pháp nhĩ như thị*”, [có thể hiểu là] quy luật tự nhiên vốn là như vậy. Đó là một sự đại tuần hoàn, trở về tự tánh mới thật sự là đại viên mãn. Do đó, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm chưa phải là thật sự viên mãn; trở về Thường Tịch Quang mới là thật sự viên mãn. Chúng ta thấy bốn loại vô ngại biện tài này, hàng Pháp Thân đại sĩ mới có, kẻ bình phàm há có năng lực ấy? Nay chúng ta liễu giải các hiện tượng này do dựa vào kinh Hoa Nghiêm. Đọc kinh Hoa Nghiêm mới biết, lý luận là như vậy đó!

Loại thứ hai, “*Pháp Vô Ngại Biện. Vị đạt nhất thiết chư pháp danh tự, phân biệt vô trệ cố*” (Pháp Vô Ngại Biện, nghĩa là thông đạt danh tự của hết thấy các pháp, phân biệt chẳng trệ ngại). Loại thứ hai và loại thứ ba nói đến phương pháp. Đầu tiên nói về pháp, “*pháp*” là hết thấy các pháp, [ở đây là] nói theo pháp tướng, phần trên là nói theo Lý, tức Lý của hết thấy các pháp. Ở đây là tướng của hết thấy các pháp, hiện tướng, quý vị có thể biết danh tự của hết thấy các pháp. Danh tự do đâu mà có? Danh tự do con người đặt ra. Bất luận là ai, bất luận là người nước nào, hiện nay nói là người thuộc bất luận tinh cầu nào, bất luận là chúng sanh thuộc không gian bất đồng nào, đều đặt tên cho các pháp. Quý vị đều biết, chẳng cần học mà biết toàn bộ. Có thật hay không? Thật đấy. Có chứng cứ! Quý vị thấy tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước. Nước có năng lực như thế đó, nó chưa hề học, nhưng chúng ta viết chữ Hán, nó nhận biết. Quý vị viết tiếng Anh, nó cũng nhận biết. Tiếng Tây Ban Nha nó cũng nhận biết. Có rất nhiều văn tự của thổ dân đối với nó đều chẳng có chương ngại, chúng ta biết đó là năng lực sẵn có trong tự tánh. Trong các chiều không gian khác nhau ngoài không gian, họ đặt tên cho vạn sự vạn vật, người minh tâm kiến tánh đều biết toàn bộ, đều nhận biết. Vì vậy, nước có thể thấy, nghe những ngôn ngữ, âm thanh ấy chẳng chương ngại; lại còn hiểu ý nghĩ của con người. Chẳng cần nói chuyện, quý vị khởi tâm động niệm, nó liền biết toàn bộ. Ý niệm của quý vị thiện, quý vị thấy nó sẽ đáp trả bằng kết tinh vô cùng đẹp đẽ, quý vị thấy ngay! Ý niệm của quý vị bất thiện, nó kết tinh rất xấu xí, rất khó coi. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng thí nghiệm mười mấy năm, mỗi ngày đều làm thí nghiệm cả ngàn lần. Họ có một nhóm nhỏ, tôi đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần, là thật, chẳng giả, khoa học gia thừa nhận. Do đó, Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Thứ ba, “*Từ Vô Ngại Biện. U chư pháp danh tự nghĩa lý, tùy thuận nhất thiết chúng sanh thù phương dị ngữ, vị kỳ diễn thuyết, năng linh các các đắc giải có*” (Từ Vô Ngại Biện: Đối với danh từ, nghĩa lý của các pháp, thuận theo ngôn ngữ khác biệt của hết thầy chúng sanh ở các nơi khác nhau mà vì họ diễn nói, khiến cho ai nấy đều được hiểu). Từ (辭) là ngôn ngữ. Quý vị có năng lực hằng thuận chúng sanh. Bất luận ngôn ngữ hoặc văn tự nào, quý vị chẳng cần học mà thông hiểu toàn bộ. Hễ tiếp xúc liền thông hiểu, vì sao? Hết thầy các pháp chẳng lìa tự tánh. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: Những pháp ấy do đâu mà có? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tự tánh là chân tâm, ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Chỉ cần chân tâm trông thấy, chân tâm hiện ra vạn pháp. Toàn thể vũ trụ, Phật pháp nói là “khắp pháp giới hư không giới”, quý vị hiểu rõ toàn bộ, chướng ngại gì cũng đều chẳng có. Chẳng có gì không biết, chẳng có gì không nói được, vô ngại biện tài mà!

Thứ tư, “*Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, vị tùy thuận nhất thiết chúng sanh căn tánh sở nhạo văn pháp nhi vị thuyết chi, viên dung vô trệ có*” (Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, nghĩa là thuận theo căn tánh và pháp muốn được nghe của hết thầy chúng sanh mà vì họ diễn thuyết viên dung chẳng trệ ngại). Loại thứ bốn này là đại đức trong tứ biện tài. Đức lớn ấy là hoan hỷ nói, chẳng cần quý vị phải thỉnh giáo, rất nhiệt tâm, hễ gặp quý vị liền bảo ban. Đức Phật có thể quán cơ, [tức là] xét căn tánh của hết thầy chúng sanh, nói pháp tương ứng với căn tánh của quý vị, nên quý vị có thể nghe, hiểu, có thể lý giải. Những thứ quý vị nghe chẳng hiểu, Ngài sẽ không nói. Những thứ quý vị chẳng cần biết, Ngài chẳng nói. Ứng cơ thuyết pháp, hoan hỷ thuyết pháp. Đó là “*nhạo thuyết*”. Nhạo (樂) là vui vẻ. Ở đây, chữ này không đọc là Lạc, Lạc là vui sướng, phải đọc là Nhạo. “*Nhạo*” là ưa thích, mến chuộng, yêu thích, mang ý nghĩa ấy, [nên nói là] “*nhạo thuyết*”. Vì thế, điều này là đức. Nếu người ấy chẳng ưa nói, tuy có những biện tài trước đó, chúng sanh chẳng đạt được lợi ích. Chúng sanh được lợi ích là do người ấy đại từ đại bi, ưa thích nói, chủ động nói với chúng ta. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật ưa thích nói, hễ gặp kẻ khác bèn nói. Có người, Phật nhất định chờ kẻ ấy lên tiếng hỏi, nêu lên câu hỏi rồi Phật mới nói. Có những người chẳng hỏi han gì, đức Phật vẫn nói với họ. Bộ kinh này do A Nan hỏi, đức Phật mới nói. Kinh Di Đà chẳng ai hỏi, do chính đức Phật tự nói. Ai có thể hỏi, ai chẳng thể hỏi, đức Phật đều biết, chẳng có gì không biết. Do đó, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Phải nên thuyết pháp nào, lúc này, chỗ này, quý vị hiện đang thuộc vào giai đoạn nào, quý vị cần biết pháp gì, đức Phật đều có thể nói, đều có thể giúp đỡ, giải quyết hết thầy những nghi nan tạp chúng hiện tiền, lòng từ bi đầy!

Trong ấy, quan trọng nhất là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đây mới là ý nghĩa chân thật trong vô lượng biện tài của đức Phật, dụng ý chân chánh là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Rốt cuộc là mục tiêu như thế này: Giúp quý vị đại triệt đại ngộ, giúp quý vị minh tâm

kiến tánh, giúp quý vị viên thành Phật đạo, đó là Phật giáo. Chỉ có người thật sự đạt được lợi ích chân thật do sự giáo hóa của đức Phật thì mới biết cảm ơn. Chưa đạt được lợi ích chân thật, tâm cảm ơn ấy đều chẳng phải là chân thật. Nói ân đức của Phật to như thế nào, kẻ ấy chẳng biết. Kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, làm sao biết được? Ngày nào kẻ ấy giác ngộ thì mới hiểu, mới sám hối. Đức Phật đời đời kiếp kiếp quan tâm, nhưng [chúng sanh] chẳng biết cảm ơn. Tuy họ chẳng biết cảm ơn, đức Phật vẫn quan tâm, chăm sóc, trọn chẳng nói “các người chẳng cảm ơn, ta sẽ không bận tâm đến các người nữa”. Thậm chí quý vị khinh lờn, nhục mạ Phật, Bồ Tát, hủy diệt Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát vẫn quan tâm, chăm sóc. Quý vị thấy các Ngài từ bi đến mức ấy, chẳng phải là tri kiến phàm phu! Vì sao? Vì các Ngài biết hết thấy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và các Ngài là một Thể, do cùng một tự tánh hiện ra, do cùng một tự tánh sanh ra, là “cùng một tự tánh, cùng một Thể”. Sách Hoàn Nguyên Quán gọi cái Thể ấy là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Chư Phật Như Lai sanh từ tự tánh ấy, mà lũ chúng sanh đông đảo chúng ta cũng sanh từ đó. Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều sanh từ nó, cùng một Thể. Quý vị làm chuyện sai trái, làm chuyện xấu xa, lầm lỗi gì, các Ngài chẳng bận lòng. Trong tâm quý vị có thứ này thứ nọ, chứ tâm các Ngài sạch lầu, hoàn toàn chẳng có [vướng mắc gì]. Đó chính là chân tâm, tự tánh của quý vị, nhưng chính quý vị đã mê mất. Nay quý vị đang sử dụng vọng tâm, sử dụng vọng niệm. Vì lẽ đó, Phật có thể viên dung vô ngại, vì hết thấy chúng sanh thị hiện, thuyết pháp.

“Thượng biểu chư Đại Sĩ khế u thánh trí, đắc vô ngại chi biện tài, thiện ứng căn cơ, quảng tuyên diệu biện, cố viết: Đắc Phật biện tài” (Các thuyết trên đây cho rằng các bậc Đại Sĩ khế hợp thánh trí, đắc vô ngại biện tài, khéo thích ứng căn cơ, giảng giải rộng rãi, bàn luận khéo léo, nên bảo là “đắc Phật biện tài”). Do đó, chúng ta học Phật, hiểu đạo lý này, biết do công phu Giới, Định, Huệ cao hay thấp thì mới có thể khôi phục vô ngại biện tài nơi tự tánh của chính mình. Nếu không từ Giới, Định, Huệ, mà nương vào học rộng nghe nhiều kinh giáo, thì dường như cũng có biện tài vô ngại, nhưng đó có phải là biện tài như kinh đã nói hay không? Chẳng phải! Vì quý vị chẳng có trí huệ, quý vị vẫn bị tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, lấy đâu ra biện tài? Biện tài kiểu đó gặp người ta đưa ra câu hỏi, quý vị vẫn chẳng có cách nào giải đáp. Sau khi trí huệ đã khai, chẳng thể nào có hiện tượng ấy, [bất cứ câu hỏi nào cũng] đều có thể giải đáp.

Đoạn cuối cùng: “*Chân Giải phục tán nhất giải viết*” (Sách Chân Giải lại còn giải thích rộng thêm như sau). Vị đại đức Nhật Bản này rất giỏi, những câu nói ấy đều xuất phát từ kinh Phật. “*Nhược y Căn Bản Giáo, đản thuyết nhất tự, diệc vi đắc Phật biện tài, truyền Như Lai như thật ngôn cố. Bất đản thử Bồ Tát nhĩ, phàm phu thuyết diệc đồng chư Phật biện tài. Tán dương Phật huệ công đức, khai hóa thập phương hữu duyên nhi dĩ*” (Nếu nương theo Căn Bản Giáo, chỉ nói một chữ cũng là đắc Phật biện tài vì truyền lời

chân thật của Như Lai vậy. Không chỉ những Bồ Tát này được như thế, mà lời của phàm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Tán dương công đức Phật huệ chỉ nhằm để khai hóa kẻ hữu duyên trong mười phương mà thôi). Lời này nói rất hay, sách Chân Giải đúng là nói rất hay, “*nương vào Căn Bản Giáo*”. Căn Bản Giáo là gì? Không khởi tâm, không động niệm là Căn Bản Giáo; khởi tâm động niệm chẳng phải là Căn Bản Giáo. Không khởi tâm, không động niệm, chỉ nói một chữ mà có thể hiển thị biện tài trong tự tánh, chữ nào vậy? Nói thông thường thì là chữ Phật. Chỉ nói một chữ Phật này là được rồi, toàn bộ đều được biểu thị. Nếu nói theo ý nghĩa càng sâu hơn, bất cứ chữ nào, không nhất định phải là chữ Phật, bất cứ chữ nào [cũng được], vì sao? Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, nó lưu lộ từ tự tánh. Bất cứ chữ nào cũng đều từ tự tánh lưu lộ, đều trở về tự tánh. Ý nghĩa này quá sâu, quá màu nhiệm! Quý vị hiểu đạo lý này, quý vị mới biết trong Thiên Tông có một loại ứng đối gọi là “*Thiền cơ*”. Họ nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh, nghe không hiểu, chẳng biết nghĩa là gì. Những điều đó đều thuộc loại “*nương vào Căn Bản Giáo*”, nói một chữ, nói hai chữ, nói một câu, nói hai câu đều chẳng sao cả. Đó thật sự là biện tài của Phật. Thật sự hiểu, người ấy cũng nhập cảnh giới. Nếu người ấy chẳng nhập cảnh giới này, sẽ không hiểu. Cũng có nghĩa là nếu người ấy chưa đắc Căn Bản Trí, người ấy cũng không hiểu. Người đắc Căn Bản Trí thì đôi bên có thể thông hiểu lẫn nhau, có thể thấu hiểu. Chưa đắc Căn Bản Trí mà dùng phương pháp này thì sai mất rồi, vẫn phải là dùng phương pháp thế gian thì người thế gian mới hiểu. Đó là thuyết pháp thích ứng căn cơ, đối với loại người nào nên dùng phương pháp nào. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.